

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 17

Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẠP

Phẩm 4: ÁI KÍNH, Phần 2

Thế nào là số diệt? Thế nào là phi số diệt? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì nhằm ngăn ý của người nói nghĩa, cũng như phái Thí dụ giả nói: Ba thứ diệt không có tự thể.

Vì nhằm ngăn ý của người nói như thế và vì muốn nói ba thứ diệt, mỗi thứ đều có thể tướng, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì Tỳ-bà Xà-bà-đề nói ba thứ diệt đều là vô vi.

Vì muốn ngăn ý của thuyết nói như thế để nói ba thứ diệt: hai thứ là vô vi, một thứ là hữu vi, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là số diệt?

Đáp: Nếu diệt tức là được giải thoát. Pháp kia diệt, người kia được là được giải thoát, được giải thoát đặc. Đó gọi là số diệt.

Hỏi: Thế nào là phi số diệt?

Đáp: Nếu diệt thì chẳng phải giải thoát. Nếu pháp kia diệt, người kia đạt được là không được giải thoát, không được giải thoát đặc là chỗ đạt được. Đó gọi là phi số diệt.

Hỏi: Thế nào là diệt của vô thường?

Đáp: Là các hành tan diệt. Diệt của vô thường, các hành tan diệt, chẳng phải như phân tán hạt đậu, lúa, v.v... Diệt của vô thường là khiến cho các hành có sở tác ở một sát-na trước và ở một sát-na sau, lại không còn có chỗ tác, chẳng phải không có thể của hành. Vì ngăn dứt chỗ tạo tác đó, Nên nói rằng.

Hỏi: Phi số diệt và diệt của vô thường có gì khác nhau?

Đáp: Phi số diệt: nỗi khốn khổ của bệnh tật, ốm gãy, do mình tạo

ra, những việc ma, khổ não do người khác gây tạo, các pháp tùy thế gian như thế, nếu được giải thoát, đó gọi là phi số diệt.

Nếu nói như mình tạo ra nổi khốn khổ ốm gầy bệnh tật, các thứ pháp như việc ma v.v..., khổ não do người khác gây ra, nếu được giải thoát, thì đó gọi là các hành hữu lậu được phi số diệt. Nếu nói các pháp tùy đời v.v..., nếu được giải thoát, thì đó gọi là các hành vô lậu được phi số diệt. Vì sao? Vì các hành vô lậu cũng ở thế gian.

Diệt của vô thường: là khiến các hành tan diệt, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao chỉ hỏi về phi số diệt vô thường diệt, không hỏi về số diệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì ý của người soạn kinh kia muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Trước kia đã nói sự khác nhau, như nói: Thế nào là số diệt? Diệt ấy là giải thoát? Cho đến nói rộng. Cả hai diệt đều không là phải giải thoát. Do đó, nên mới hỏi về sự khác nhau kia.

Lại có thuyết nói: Vì hai diệt này đều không có dụng công diệt.

Lại có thuyết nói: Đều nên hỏi về sự khác nhau của ba thứ diệt. Thế nào là số diệt?

Đáp: Nếu diệt là tướng giải thoát không lệ thuộc. Phi số diệt: là tướng giải thoát chẳng phải không lệ thuộc. Diệt của vô thường là tướng chẳng phải giải thoát, cũng chẳng phải không lệ thuộc.

Lại có thuyết nói: Số diệt là trong ấm, nhập, giới ba đời có thể được, phi số diệt trong pháp không sanh của đời vị lai có thể đạt được. Diệt của vô thường ở đời hiện tại có thể đạt được.

Lại có thuyết nói: Số diệt là thiện, chỗ đắc của số diệt cũng thiện, phi số diệt là vô ký, chỗ đắc của phi số diệt cũng là vô ký. Diệt của vô thường có ba thứ, chỗ đắc của pháp đó cũng có ba thứ.

Lại có thuyết nói: Số diệt là không lệ thuộc, chỗ đắc của số diệt là lệ thuộc, không lệ thuộc phi số diệt là không lệ thuộc, chỗ đắc của pháp đó là lệ thuộc. Vô thường là lệ thuộc, không lệ thuộc, chỗ đắc của pháp đó cũng là lệ thuộc, không lệ thuộc.

Lại có thuyết nói: Số diệt là phi học phi Vô học, chỗ đắc của pháp đó là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Phi số diệt là phi học phi Vô học, chỗ đắc của pháp đó cũng là phi học phi Vô học.

Diệt của vô thường có đủ ba thứ, chỗ đắc của pháp đó cũng có đủ ba thứ.

Lại có thuyết nói: Số diệt là không dứt, chỗ đắc của số diệt, hoặc do tu đạo dứt trừ hoặc không dứt phi số diệt là không dứt. Chỗ đắc của

phi số diệt là do tu đạo dứt trừ. Diệt của vô thường có ba thứ. Chỗ đắc của diệt đó cũng có ba thứ.

Lại có thuyết nói: Số diệt là quả đạo, chỗ đắc của số diệt hoặc là đạo, là quả đạo, hoặc chẳng phải đạo, chẳng phải quả đạo. Phi số diệt chẳng phải quả đạo, chỗ đắc của pháp đó chẳng phải đạo, chẳng phải quả đạo. Diệt của vô thường hoặc là đạo, chẳng phải quả đạo. Hoặc là đạo, cũng là quả đạo. Hoặc chẳng phải đạo, chẳng phải quả đạo, chỗ đắc của pháp đó cũng thế.

Lại có thuyết nói: Số diệt là thuộc về diệt đế, chỗ đắc của số diệt đó là thuộc về ba đế. Phi số diệt chẳng phải thuộc về diệt đế, chỗ đắc của pháp đó là thuộc về khổ đế, tập đế. Diệt của vô thường có ba thứ đều thuộc về đế, chỗ đắc cũng thế.

Hỏi: Những gì là nghĩa của số diệt?

Đáp: Số là tuệ, diệt là quả của tuệ, nên gọi là số diệt.

Lại có thuyết nói: Vì riêng số đắc, nên nói là số diệt, như khi thấy khổ thì khổ nhãn, khổ trí, đạt được riêng, về thấy tập, thấy diệt, thấy đạo đạt được cũng riêng lẻ, nên gọi là số diệt.

Lại có thuyết nói: Do khó được nhiều công dụng nên gọi là số diệt.

Hỏi: Diệt này là một thể hay nhiều thể?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là một thể.

Hỏi: Nếu là một thể, thì khi chứng đắc thấy đạo dứt diệt các kiết, cũng chứng tu đạo dứt diệt các kiết chướng? Nếu chứng thì tu đạo sẽ không có công dụng. Nếu không chứng, thì vì sao pháp của một thể mà có một chút phần chứng, một chút phần không chứng?

Lại có thuyết nói: Thể của diệt có năm chỗ dứt trừ là phiền não của thấy khổ, diệt là một thứ, cho đến phiền não do tu đạo dứt trừ, diệt là loại thứ năm.

Hỏi: Điều này cũng có lỗi. Vì sao? Vì khi chứng tu đạo cõi Dục, là đã dứt diệt sử phẩm thượng thượng, lại chứng diệt sử của phẩm khác hay không? Nếu sẽ chứng, thì đạo đối trị của phẩm khác sẽ trở nên không có công dụng? Còn nếu không chứng thì làm sao trong pháp của một thể mà có ít phần chứng, ít phần không chứng?

Lại có thuyết nói: Thể của diệt có mười ba, chỗ dứt của thấy đạo có bốn, chỗ dứt của tu đạo có chín. Sự việc này cũng có lỗi. Vì sao? Vì nếu khi chứng tu đạo cõi Dục là đã dứt diệt sử rồi, lại chứng tu đạo của Sơ thiên là đã có dứt diệt sử hay không? Hoặc chứng, không chứng, đều đồng với lỗi trước?

Bình luận: Nên nói rằng: Tùy thể của pháp hữu lậu, diệt thì thể cũng thể.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước kia đã hỏi: Niết-bàn là một thể hay là nhiều thể?

Đáp: Trước kia, lẽ ra phải hỏi rằng: Nếu một chúng sinh khi chứng một pháp diệt, thì tất cả chúng sinh cũng đồng chứng diệt diệt này phải không? Nếu đồng thì sao Niết-bàn chẳng phải pháp chung? Một chúng sinh khi được Niết-bàn, thì tất cả chúng sinh lẽ ra cũng được Niết-bàn, nếu khác làm sao Niết-bàn chẳng phải pháp tương tự? Và kinh này làm sao hiểu? Như nói: Sự giải thoát của Như lai và sự giải thoát của A-la-hán đều đồng, không khác nhau?

Đáp: Nên nói rằng: Như một chúng sinh chứng pháp này, tất cả chúng sinh cũng đồng chứng pháp này.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Niết-bàn không là pháp chung?

Đáp: Vì nói theo thể thì đồng, nhưng nếu nói theo đặc thì khác. Vì sao? Vì các chỗ đặc đều khác.

Hỏi: Nếu vậy vì sao không phải là một chúng sinh khi đạt được Niết-bàn, thì tất cả chúng sinh cũng đạt được Niết-bàn?

Đáp: Nếu người do thành tựu Niết-bàn mà được thì được Niết-bàn, nếu người không thành tựu được Niết-bàn, thì không được Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Nếu khi một chúng sinh chứng diệt này thì chúng sinh khác chỗ chứng đều khác.

Hỏi: Nếu vậy thì sao Niết-bàn chẳng phải pháp tương tự?

Đáp: Nói chẳng phải tương tự là chẳng phải nhân tương tự, vì Niết-bàn không có nhân tương tự, nên nói chẳng phải pháp tương tự.

Hỏi: Nếu vậy thì khổ pháp nhãn không có nhân tương tự, cũng là chẳng phải pháp tương tự chăng?

Đáp: Mặc dù khổ pháp nhãn không từ nhân tương tự sinh, nhưng vẫn có thể tạo ra nhân tương tự cho người khác. Niết-bàn không từ nhân tương tự sinh, cũng không làm nhân tương tự cho người khác.

Lại có thuyết nói: Vì không đồng, nên nói không tương tự. Tánh của pháp hữu vi là đồng. Tánh đồng là sao? Là đồng ở đời, đồng là ấm, đồng là khổ, không một pháp nào là thường, là thiện.

Lại có thuyết nói: Pháp của đời là đồng, vì pháp Niết-bàn kia chẳng phải thế gian, nên không đồng. Cũng thế, pháp ấm, pháp khổ, pháp các sinh, pháp các đường, nên biết cũng thế.

Lại có thuyết nói: Trước, sau là tương tự, vì pháp của Niết-bàn không có trước, sau, nên nói không tương tự. Như trước sau, pháp thượng,

trung, hạ cũng giống như thế. Sự giải thoát của Như lai, giải thoát của A-la-hán như kinh này đã nói làm sao hiểu? Vì đều là thường, là thiện.

Lại có thuyết nói: Vì quyết định đều có ở trong một thân. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều có ba thứ tánh Bồ-đề, đó là Bồ-đề Phật, Bồ-đề Bích-chi Phật, Bồ-đề Thanh văn. Nếu đi theo Phật đạo, cũng chứng pháp này, nếu đi theo đạo Bích-chi Phật, đạo Thanh văn, thì cũng chứng pháp này, vì cho nên nói là không có khác nhau.

Bình luận: Không Nên nói rằng, như thuyết trước là tốt.

Hỏi: Số diệt trong vật thể bên ngoài là có đắc hay không? Nếu có đắc thì chúng sinh không thành tựu pháp bên ngoài, làm sao đắc? Nếu có đắc thì với kinh này nói làm sao hiểu. Như nói: Các Trưởng già! Ta đã dứt trừ tất cả ái, được giải thoát bên trong. Nếu không chứng đắc, thì với kinh này làm sao hiểu? Như nói: Thế nào là giới đoạn? Đáp: Tất cả các hành đều dứt, đó gọi là cảnh giới đoạn, cho đến nói rộng.

Đáp: Nên nói là có đắc.

Hỏi: Nếu vậy không thành tựu pháp ngoài thì làm sao đạt được?

Đáp: Mặc dù không thành tựu pháp ngoài, nhưng vẫn đạt được số diệt của pháp ngoài, tám căn như mạng căn v.v... của quá khứ, vị lai tuy không thành tựu, nhưng vẫn được số diệt của tám mạng căn đó. Ta đã dứt tất cả ái, được giải thoát bên trong. Với kinh này làm sao hiểu. Ở đây nói: Nếu bên trong được giải thoát, phải biết pháp ngoài cũng được giải thoát.

Lại có thuyết nói: Vì sự giải thoát này từ thân mình tu phương tiện mà đắc, không do người ngoài tu phương tiện mà đắc, cho nên nói là được giải thoát bên trong.

Lại có thuyết nói: Không được số diệt trong pháp ngoài.

Hỏi: Nếu vậy thì và kinh này làm sao hiểu? Như nói: Tất cả các hành dứt, gọi là cảnh giới đoạn, cho đến nói rộng.

Đáp: Có hai thứ tất cả: tất cả của có phần và tất cả của tất cả. Vì trong đây nói: tất cả của phần, nên nói là tất cả.

Lại có thuyết nói: Có số diệt trong vật bên ngoài nhưng không thể đạt được.

Bình luận: Không Nên nói rằng. Vì thà nên nói không, chứ không nên nói có mà không thể đạt được. Dụng nào là không dụng vật là cũng có, cũng đạt được. Nói như thế là tốt. Nếu phải là số diệt của vật bên ngoài không thể đạt được, thì sẽ trái với kinh Ba-già-la-na. Như nói: Thế nào là được pháp làm chứng?

Đáp: Nói tất cả các pháp, pháp này là thiện, cũng được, vì có thể

được chứng. Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên nói là có thể đạt được.

Hỏi: Thể của số diệt này là ấm, hay là chẳng phải ấm? Nếu là ấm thì sao không vốn là Niết-bàn? Vì sao? Vì trước đó đã có các ấm. Nếu chẳng phải ấm, thì vì sao là pháp không thực có mà tu về đạo?

Đáp: Nên nói rằng: Thể chẳng phải ấm, cũng chẳng phải chẳng phải ấm. Nhưng từ sắc ấm, cho đến thức ấm, thể của chúng là đắc. Số diệt này cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là không tương tự, cũng gọi là chẳng phải phẩm, cũng gọi là Vô-bạt-na (Bạt-na, đời Tân dịch là sắc, cũng dịch là tánh, cũng dịch là khen ngợi, cũng dịch là chữ), cũng dịch là tối thắng, cũng dịch là trí, cũng dịch là ứng, cũng dịch là không gần, cũng dịch là không tu, cũng dịch là đáng ưa, cũng dịch là gần, cũng dịch là diêu, cũng dịch là lia.

Hỏi: Vì sao nói là Niết-bàn?

Đáp: Bàn-na gọi là rừng. Niết gọi là lia, nghĩa là lia hẵn rừng ấm, lia ba rừng lửa, lia bốn rừng, nên gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, nghĩa không diệt là nghĩa Niết-bàn, như trước đã nói.

Vì sao gọi là không tương tự? Vì không có nhân tương tự như trước đã nói, vì cũng không có thượng, trung, hạ như trước đã nói v.v...

Vì sao gọi là chẳng phải phẩm? Vì lia các phẩm, như nói thể tánh của pháp hữu vi là phẩm.

Những người nói như thế đều có tướng trụ, nghĩa là bốn tướng và năm pháp của pháp kia, là phẩm câu sinh. Vì pháp Niết-bàn không có tướng như thế, nên gọi là chẳng phải phẩm.

Lại có thuyết nói: Thế gian là Pháp phẩm là đời. Pháp của Niết-bàn kia là lia thế gian, nên gọi là chẳng phải phẩm. Các ấm, các khổ, các sinh, các cõi, cũng nói như thế.

Vì sao gọi là Vô Bạt-na? Vì thể của sự khen ngợi đã tự thành tựu nên không đợi khen ngợi nữa, như người bản tánh hiền, thiện, không đợi khen ngợi, vì vốn hiền thiện, pháp Niết-bàn kia cũng giống như thế.

Lại nữa, trong pháp hữu vi, hoặc dùng nhân gọi là quả, hoặc lấy quả để gọi là nhân, pháp Niết-bàn kia không có quả để có thể gọi là nhân, không có nhân để có thể gọi là quả.

Lại nữa, vì các bậc Thánh đã thân chứng pháp này, nên không đợi khen ngợi.

Lại nữa, không khen ngợi là vì có vô biên sự khen ngợi, như người nói về Đại đức. Đức của người này là không thể nói. Pháp của Niết-bàn kia cũng như thế.

Lại nữa, không thể khen ngợi: Vì khắp chung quanh đều có sự khen ngợi tốt đẹp. Như hạt ngọc sạch xua tan bóng tối xung quanh. Pháp Niết-bàn kia cũng giống như thế. Cũng như chỗ để viên ngọc A-ba-na- gia mà được an lập. Như thế, nếu được giải thoát trong thân người, thì thân này gọi là an lập.

Lại nữa, không thể khen ngợi gọi là chẳng khen ngợi. Vì không người nào có thể đúng như pháp nói dối của người ấy nên gọi là chẳng khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Vì lìa các tánh nên nói Vô-bạt-na. Ở đây, vì không có tánh Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà, nên nói là Vô-bạt-na, cũng không có sắc xanh, vàng, v.v..., nên nói là Vô-bạt-na. Pháp hữu vi hoặc tánh là sắc, hoặc dựa vào sắc, hoặc làm chỗ nương cho sắc. Tánh của pháp kia chẳng phải sắc, cũng chẳng phải dựa vào sắc, cũng không làm chỗ nương cho sắc.

Vì sao gọi là tối thắng? Vì thượng diệu, nên gọi là tối thắng. Cũng thế gian dùng thức uống ăn thượng diệu, y phục, chuỗi anh lạc v.v..., nên gọi là tối thắng.

Tôn giả Cù-sa nói: Pháp kia là tối thắng, vì là pháp hiểu rất ráo. Vì sao gọi là trí? Vì quả của trí. Như trong kinh nói: Sáu nhập là nghiệp, sáu nhập là quả của nghiệp là dùng tên của nghiệp để nói. Như dứt là quả của trí là dùng tên trí để nói. Như thiên nhãn, thiên nhĩ là quả của thông, dùng tên thần thông để nói. Pháp kia cũng giống như thế. Vì là quả của trí, nên dùng tên trí để nói.

Vì sao gọi là ứng? Vì xứng đáng thọ cúng dường, nên gọi là ứng. Tất cả thượng cúng của thế giới, đều nên thọ nhận.

Vì sao gọi là không gần? Vì không đáng gần. Pháp hữu vi, do tham quả hữu vi đó, mà gần. Như người vì tham quả của hoa che mát, nên gần với cây. Vì pháp kia trái với các thứ trên, nên gọi là không gần.

Hỏi: Nếu nói không gần thì vì sao trong kinh nói gần người sáng suốt?

Đáp: Vì đạt được trí. Người sáng suốt: là Phật hoặc đệ tử Phật, do gần nên được sở duyên là nhãn trí và thành tựu đắc, cho nên nói là gần.

Lại có thuyết nói: Vì người sáng suốt là chỗ dựa cho việc đi nên nói là gần. Như nói A-la-hán đi đến Niết-bàn. Vì sao gọi là không tu? Nghĩa là vì không ở trong thân. Nếu pháp ở trong thân, thì người tu pháp kia không ở trong thân, cho nên không tu.

Lại có thuyết nói: Vì không có pháp đáng tu, như A-tỳ-đàm nói:

Vì pháp tu không có trong Niết-bàn, nên gọi là không tu.

Lại có thuyết nói: Vì không có việc đáng gân, cho nên không tu.

Hỏi: Nếu không tu thì bài kệ này làm sao hiểu? Như kệ nói:

*Cù-dàm ngồi dưới cây
Thiền định không buông lung
Không lâu dẫm dấu đạo
Niết-bàn ở trong tâm.*

Đáp: Như Tôn giả Ba-xa nói: Niết-bàn ở trong tâm, nghĩa là vì đã thành tựu được Niết-bàn trong tâm.

Vì sao gọi là đáng ưa? Vì lìa tất cả khổ. bậc Thánh sợ khổ. Vì Niết-bàn không có khổ của thân tâm, nên bậc Thánh rất ưa thích. Như giới ác của khổ sinh tử, làm tăng trưởng già chết, nói cũng giống như thế, Đức Thế tôn kinh nói: Thời giải thoát là pháp lạc, giới vô lậu là giới lạc, do có thể đến Niết-bàn.

Vì sao gọi là gân? Vì là pháp có. Hoặc có thuyết nói là pháp chẳng phải có, nhưng pháp kia thật sự có thể tánh, cho nên nói gân.

Do việc này, nên Kinh của Đức Thế tôn nói: Hành giả tinh tiến thành tựu mười lăm pháp, đó gọi là học tích, được gân Niết-bàn.

Lại nữa, vì không lựa chọn thân nên gọi là gân. Nếu Sát-lợi tu đạo thì chứng. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà tu đạo cũng chứng. Lại nữa, vì không lựa chọn xứ sở, nên gọi là gân. Nếu ở nơi thôn xóm, nếu ở chốn vắng lặng tu đạo, liền chứng đắc.

Lại nữa, vì là quán gân nên gọi là gân. Các Thánh khởi duyên, trí nhãn kia hiện ở trước, chánh quán pháp này như ở trước mắt.

Lại nữa, vì so sánh tướng nên biết là gân. Như Kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp xa? Nghĩa là pháp quá khứ, vị lai. Sao gọi là pháp gân? Nghĩa là hiện ở trước và pháp vô vi.

Lại nữa, vì được ở chỗ gân nên gọi là ở gân. Chỗ gân, nghĩa là đời hiện tại, vì chứng nơi đời hiện tại, nên gọi là gân.

Lại nữa, vì bỏ chỗ đắc của pháp gân, nên gọi là gân. Pháp gân gọi là hiện tại. Vì bậc Thánh bỏ pháp hiện tại, nhập Niết-bàn, nên gọi là gân.

Tôn giả Cù-sa nói: Tinh tiến thứ lớp thú hưởng, tu phương tiện thích đáng đạt được, nên gọi là gân.

Lại nữa, vì thân, định là chỗ dựa của Thánh đạo, pháp này thì không như vậy nên gọi là gân. Nếu dựa vào thân này, nên khởi Thánh đạo, các thân khác thì không thể, Niết-bàn thì không như vậy mà tùy ở thân, là sở y của tu đạo thì có thể chứng, đó gọi là gân.

Hỏi: Vì sao gọi là diệu? Như đạo cũng là diệu, vì sao chỉ gọi Niết-bàn là diệu? Phái Ba-già-la-na nói Thế nào là pháp diệu? Là pháp thiện vô lậu.

Đáp: Mặc dù đạo là diệu, nhưng Niết-bàn là diệu trong diệu. Lại nữa, vì đạo là diệu, nhưng vì lỗi xen lẫn vô thường, Niết-bàn thì không như thế.

Lại nữa, đạo có căn thiện đối trị chán bỏ điều ác, như tam-muội Không không, Tam-muội Vô tướng Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện Vô nguyện. Vì không có pháp thiện nào chán ghét Niết-bàn nên gọi là pháp vi diệu.

Hỏi: Vì sao Niết-bàn gọi là lia? Như đạo cũng là tướng lia, như Ba-già-la-na đã nói: Thế nào là pháp lia?

Đáp: Sức yếu mọi sự lệ thuộc ở cõi Dục, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Là pháp học, pháp Vô học của thiện định, vắng lặng xua tất ly, là pháp số diệt v.v..

Đáp: Niết-bàn chính là đạo lia, là lia, là có thể lia.

Lại nữa, vì xả tất cả pháp, nên gọi là lia. Pháp hữu lậu có hai thứ xả:

1. Xả của lia dục.

2. Xả của trừ bỏ.

Pháp hữu vi vô lậu dù không có xả của lia dục, nhưng có xả của trừ bỏ. Niết-bàn không có xả của lia dục, cũng không có xả của trừ bỏ.

Lại nữa, đệ nhất nghĩa là lia. Vì sắc nên lia dục. Vì không sắc, nên lia sắc. Sở tác của các hữu, đối tượng tư duy của các hữu, vì Niết-bàn nên lia.

Hỏi: Thế nào là phi số diệt?

Đáp: Là diệt, chẳng phải giải thoát.

Hỏi: Vì sao là phi số diệt?

Đáp: Vì không do tạo tác mà được, đó gọi là phi số diệt. Vì sao? Vì như người trụ nơi bốn phương này đã có sắc, thanh, hương, vị, xúc, là pháp của sở duyên của năm thức thân, không do công tạo tác mà trụ, vì trong pháp bất sinh, nên gọi là phi số diệt.

Hỏi: Do pháp nào có thể được pháp này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do ấm, nhập, giới của quá khứ vị lai. Chẳng phải là đời hiện tại. Vì sao? Vì ấm nhập giới ở trong thân hiện tại có thể đạt được, nên như thuyết này nói: Trong mỗi sát-na có được có mất, khi sát-na sinh thì mất, lúc sát-na diệt thì được.

Lại có thuyết nói: Đắc ở đời vị lai, chẳng phải quá khứ. Vì sao?

Vì các ấm quá khứ từng ở trong thân. Vì ấm ngày nay tức ở trong thân. Thuyết này cũng có lỗi. Vì sao? Vì khi pháp vị lai sinh, thì pháp này cũng xả.

Bình luận: Đắc trong pháp bất sinh ở vị lai, nói như thế là đúng, cho nên tất cả thời gian thường tăng ích.

Hỏi: Số diệt nhiều hay phi số diệt nhiều?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Số diệt nhiều, phi số diệt ít. Vì sao? Vì số diệt là chỗ đắc ở trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Còn phi số diệt chỉ là chỗ đắc trong pháp bất sinh ở vị lai.

Lại có thuyết nói: Phi số diệt nhiều, số diệt ít. Vì sao? Vì phi số diệt là chỗ đắc trong pháp hữu lậu, vô lậu, còn số diệt chỉ là chỗ đắc trong pháp hữu lậu.

Bình luận: Nên nói rằng: Hai pháp ấy đều là vô lượng, vô biên. Vì việc này, nên có bốn trường hợp: Có pháp là chỗ đắc của số diệt, chẳng phải chỗ đắc của phi số diệt. Có pháp là chỗ đắc của phi số diệt, chẳng phải chỗ đắc của số diệt. Có pháp vừa là chỗ đắc của số diệt, vừa là chỗ đắc của phi số diệt. Có pháp chẳng phải chỗ đắc của số diệt, cũng chẳng phải chỗ đắc của phi số diệt.

Trường hợp thứ nhất: Là pháp hữu lậu quá khứ, hiện tại và sinh đời vị lai.

Trường hợp thứ hai: Là pháp vô lậu bất sinh ở đời vị lai.

Trường hợp thứ ba: Là pháp hữu lậu bất sinh của đời vị lai.

Trường hợp thứ tư: Là pháp vô lậu của quá khứ, hiện tại, đời vị lai sẽ sinh pháp vô lậu.

Như người phạm phu trụ ở đây, được phi số diệt của năm thức trong năm đường. Vì sao? Vì trong phạm phu kia tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc duyên theo thức kia mà trụ, vì ở trong pháp bất sinh, cho nên được phi số diệt kia. Như sắc, thanh, hương, vị, xúc của xứ này, chúng sinh của năm xứ kia cũng đạt được phi số diệt này. Nếu phần đường ác đã dứt, thì chúng sinh kia đều được phi số diệt trong đường ác.

Hỏi: Pháp gì có thể dứt đường ác?

Đáp: Hoặc là bố thí, hoặc là trí giới, hoặc là văn tuệ, hoặc là tư tuệ, như niệm xứ với pháp quán số tức, bất tịnh, hoặc là tu tuệ, như pháp Noãn, pháp Đảnh, đến Nhẫn tất nhiên dứt.

Tôn giả Bà-đàn-đà nói: Nếu không nhân nơi giác biết pháp duyên khởi thì sẽ không dứt bỏ đường ác. Sao ở đây nói nhận biết pháp duyên khởi đều là đạo vô lậu?

Bình luận: Không Nên nói rằng. Nói như vậy là đúng. Hoặc dùng

bố thí, hoặc dùng trí giới, được phi số diệt đường ác, cho đến dùng Đánh được phi số diệt đường ác, tự có chúng sanh, được căn thiện như trên, dứt từng phần đường ác, người căn độn cho đến Nhẫn thì dứt.

Hỏi: Vì cùng lúc đạt được phi số diệt trong ba đường ác hay vì theo thứ lớp mà đạt được?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: được ba thứ cùng lúc.

Hỏi: Nếu vậy thì Đề-bà-đạt-đa đọa vào địa ngục há chẳng phải được phi số diệt của ngã quý, súc sinh?

Đáp: Chỉ trừ một phần sinh của địa ngục, phần sinh của địa ngục khác và phần sinh của ngã quý, súc sinh đạt được cùng lúc.

Bình luận: Nếu khởi đạt phần thiên căn, dứt trừ đường ác, thì tất cả đường ác đều được phi số diệt. Nếu bố thí v.v... dứt trừ đường ác, thì điều này không nhất định, nếu dứt bỏ địa ngục thì sẽ được phi số diệt của địa ngục, còn lại không nhất định, cõi khác cũng giống như thế. Nếu dùng đạt phần căn thiện để dứt đường ác kia, sẽ được phi số diệt trong cùng lúc.

Hỏi: Đã nói được phi số diệt đường ác lại làm thế nào đạt được phi số diệt của chỗ sinh?

Đáp: Lúc trụ trong Nhẫn tăng thượng, trừ phần của bảy lần sinh trong cõi người, cõi trời, phần một lần sinh trong tất cả xứ cõi Sắc, cõi Vô sắc, ngoài ra, các lần sinh đều được phi số diệt.

Tu-đà-hoàn hưởng về quả Tư-đà-hàm, trụ trong đạo phương tiện không khởi đắc, Tư-đà-hàm được phi số diệt của sáu lần sinh cõi Dục. Nếu khởi đắc, thì khi trụ nơi đạo vô ngại thứ sáu sẽ được. Nếu Tư-đà-hàm hưởng tới quả A-na-hàm, trụ trong đạo phương tiện, không khởi đắc, quả A-na-hàm được phi số diệt của phần một lần sinh cõi Dục. Đạo vô ngại sau cùng sẽ được số diệt của phần tất cả sinh cõi Dục. Nếu khởi đắc, thì đạo vô ngại sau cùng sẽ được phi số diệt của phần một lần sinh cõi Dục, sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh cõi Dục. Khi lìa dục của Sơ thiên, nếu là pháp không thối chuyển trụ đạo phương tiện không khởi, thì sẽ được phi số diệt của phần hai lần sinh, Sơ thiên. Đạo vô ngại sau cùng, sẽ được số diệt của phần tất cả sinh Sơ thiên. Nếu khởi, thì đạo vô ngại sau cùng sẽ được phi số diệt của phần một lần sinh, sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh. Nếu là pháp thối chuyển hoặc khởi hoặc không khởi, thì đạo vô ngại sau cùng sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh ở địa Sơ thiên, không được phi số diệt cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, nói cũng giống như thế. Hoặc lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc là người không thối lui, trụ nơi đạo phương

tiện không khởi, thì sẽ được phi số diệt của phần một lần sinh nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ. Đạo vô ngại sau cùng sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu khởi, thì đạo vô ngại sau cùng sẽ được phi số diệt của phần một lần sinh nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ, sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh. Nếu là pháp thối lui, không khởi lìa dục: trụ nơi đạo phương tiện, sẽ được phi số diệt của phần sinh khác nơi tám địa. Đạo vô ngại sau cùng sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu khởi, thì đạo vô ngại sau cùng sẽ được phi số diệt của phần sinh khác trong tám địa, sẽ được số diệt của phần tất cả lần sinh nơi Phi tướng, Phi phi tướng xứ.

Hỏi: Đã nói chỗ sinh, còn các phiền não thì thế nào?

Đáp: Lúc trụ nơi nhẫn tăng thượng, được phi số diệt, của phiền não mà thấy đạo của ba cõi đã dứt tùy đạo vô ngại, tùy chủng loại sẽ được số diệt.

Nếu là bậc Thánh, là pháp bất thối, là không khởi lìa dục cõi Dục, tùy chủng của chỗ dứt, trụ nơi đạo phương tiện, được phi số diệt. Tùy đạo vô ngại, tùy chủng loại sẽ được số diệt. Nếu khởi, thì tùy đạo vô ngại, tùy chủng, sẽ được phi số diệt, sẽ được số diệt. Nếu là pháp thối lui hoặc khởi, hoặc không khởi, thì tùy đạo vô ngại, tùy chủng, không được phi số diệt, sẽ được số diệt, cho đến lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói cũng giống như thế.

Hỏi: Pháp thối lui đối với các phiền não đến thời gian nào thì sẽ được phi số diệt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu lúc tín giải thoát chuyển căn được kiến đạo thì thời giải thoát chuyển căn sẽ được bất động.

Bình luận: Nên nói rằng: Nếu được quyết định, lại không thối lui, bấy giờ sẽ được phi số diệt của các phiền não. Vì việc này, nên lập ra bốn trường hợp: Hoặc có phiền não trước được phi số diệt, sau được số diệt, trước được số diệt, sau được phi số diệt, hoặc có khi đều cùng được, hoặc có khi đều không được.

Trường hợp thứ nhất: Trụ nơi nhẫn tăng thượng đối với phiền não, mà kiến đạo của ba cõi dứt trừ là pháp không thối lui, không khởi lìa dục, trụ đạo phương tiện, tu đạo dứt trừ phiền não đó là trước được phi số diệt, sau được số diệt.

Trường hợp thứ hai: Nếu là pháp thối lui, phiền não tu đạo ba cõi đã dứt trừ, nghĩa là trước được số diệt, sau được phi số diệt.

Trường hợp thứ ba: Nếu là pháp không thối lui, khởi lìa dục, tùy theo đạo vô ngại, tùy chủng, được phi số diệt, được số diệt. Lại có lìa

dục cõi Dục, khi dứt trừ phiền não phẩm thượng thượng, năm thức thân nhiễm ô, đối với sở duyên được phi số diệt, được số diệt, cho đến lia tám thứ dục cũng giống như thế. Nếu khi dứt trừ phiền não phẩm hạ hạ, năm thức thân nhiễm ô nơi phẩm hạ đối với sở duyên được phi số diệt, được số diệt, cũng được số diệt của hành thiện, không ẩn giấu vô ký cõi Dục, lia dục của Sơ thiên, dứt trừ phiền não phẩm thượng thượng, ba thức thân nhiễm ô của phẩm thượng thượng kia, đối với sở duyên, được phi số diệt, được số diệt, lia tám thứ dục cũng giống như thế.

Nếu khi dứt trừ phiền não phẩm hạ hạ, ba thức thân nhiễm ô của phẩm hạ hạ của Sơ thiên kia, đối với sở duyên được phi số diệt, được số diệt của hành thiện vô ký không ẩn một của địa Sơ thiên, đó là đều cùng được.

Trường hợp thứ tư: Trừ ngần ấy việc trên.

Hỏi: Đã nói phiền não, đạo là thế nào?

Đáp: Người Kiên tín thực hành đạo Kiên tín đối với đạo Kiên pháp được phi số diệt. Người kiên pháp, khi hành đạo kiên pháp đối với đạo kiên tín được phi số diệt. Người kiến đạo, lúc thực hành đạo kiến đạo, đối với đạo Tín giải thoát được phi số diệt. Người của phi thời giải thoát, lúc hành đạo Phi thời giải thoát, đối với đạo Thời giải thoát được phi số diệt. Người Thanh văn quyết định đối với đạo Thanh văn, đối với đạo của Phật của Bích-chi Phật được phi số diệt người Bích-chi Phật quyết định đối với đạo Bích-chi Phật, ở nơi Phật đạo, đạo Thanh văn, được phi số diệt. Người cầu đạo Phật, khi quyết định đối với Phật đạo, đối với đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, được phi số diệt.

A-la-hán có sáu loại:

1. Thối pháp.
2. Tư pháp.
3. Hộ pháp.
4. Đăng trụ.
5. Có thể thắng tiến.
6. Bất động.

Hỏi: Các A-la-hán này đã được phi số diệt vào lúc nào?

Đáp: Nếu là người thối pháp quyết định đối với thối pháp thì đối với năm thứ, sẽ được phi số diệt. Nếu là người không quyết định thì sẽ không được, cho đến có thể thắng tiến, nói cũng giống như thế.

Pháp bất động: Được pháp bất động đối với năm thứ đạo được phi số diệt.

Hỏi: Phi số diệt đều là lúc thắng tiến mà được, vì sao chẳng phải

quả của đạo?

Đáp: Vốn là lúc lìa dục, vì không tạo phương tiện đạt được cho pháp này, nên nếu vì tạo phương tiện cho phi số diệt thì phi số diệt không thể đạt được. Vì sao? Vì nếu tâm tham chấp thì người này không thể vượt qua ba đường ác. Nếu tâm vì Niết-bàn thì có thể vượt qua đường ác.

Hỏi: Chỗ đắc của phi số diệt là quả của tâm nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là quả của tâm tạo ra chỗ thọ sinh.

Lại có thuyết nói: Nếu tâm có thể khiến cho sự sinh nối tiếp nhau, thì đó là quả công dụng của tâm kia.

Bình luận: Nên nói rằng: Hễ trụ ở tâm nào được phi số diệt, tức là quả của tâm đó.

Hỏi: Đối với pháp nào được phi số diệt?

Đáp: Đối với pháp lệ thuộc nơi ba cõi và trong pháp không lệ thuộc thì được phi số diệt. Sinh cõi Dục, ở trong bốn pháp này đạt được. Sinh cõi Sắc, Vô sắc, cũng giống như thế. Chỗ đắc của phi số diệt tùy hễ sinh ở địa nào, thì lệ thuộc ở địa đó.

Hỏi: Phi số diệt đối với pháp nào được tăng trưởng?

Đáp: Sinh trong cõi Dục, năm thức thân lệ thuộc cõi Dục mà được tăng trưởng. Cũng có ý thức duyên theo cõi Dục hiện tại mà được tăng trưởng, nhưng vi tế khó hiện bày. Đối với ba thức cõi Sắc, có vô lượng giải thoát, thắng xứ, tất cả xứ mà được tăng trưởng, cõi Vô sắc chỉ có tất cả xứ. Sinh trong cõi Sắc, nơi năm thức thân cõi Dục mà được tăng trưởng. Ý thức cũng được tăng trưởng, nhưng vi tế, khó hiển hiện. Ba thức cõi Sắc, có vô lượng thắng, giải thoát xứ, tất cả xứ mà được tăng trưởng, cõi Vô sắc chỉ có tất cả xứ. Sinh trong cõi Sắc, năm thức cõi Dục, ba thức cõi Sắc có vô lượng giải thoát thắng xứ, tất cả xứ mà được tăng trưởng.

Hỏi: Bậc Thánh sinh trong cõi Sắc, lệ thuộc cõi Dục, được phi số diệt trong pháp nào?

Đáp: Mạng chung ở Sơ thiên, sinh trong Nhị thiên, quả của Sơ thiên, tâm biến hóa ở cõi Dục, đạt được phi số diệt. Nếu sinh trong ba thiên, thì quả của Sơ thiên, Nhị thiên, với tâm biến hóa ở cõi Dục, sẽ được phi số diệt. Nếu sinh trong Tứ thiên, thì quả của Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, tâm biến hóa ở cõi Dục đạt được phi số diệt, cho đến qua đời ở đệ Tam thiên, sinh trong đệ Tứ thiên, quả của đệ Tam thiên, tâm biến hóa của cõi Dục được phi số diệt.

Hỏi: Qua đời ở cõi Sắc, sinh trong cõi Vô sắc, lệ thuộc cõi Dục

trong pháp nào được phi số diệt?

Đáp: Nếu qua đời ở Sơ thiên, sinh trong cõi Vô sắc, sẽ được quả của bốn thiên, tâm biến hóa ở cõi Dục, sẽ được phi số diệt. Qua đời ở Nhị thiên, sinh trong cõi Vô sắc, quả của Tam thiên, tâm biến hóa cõi Dục, sẽ được phi số diệt. Qua đời ở đệ Tam thiên, sinh trong cõi Vô sắc, quả của Nhị thiên, tâm biến hóa cõi Dục được phi số diệt. Qua đời ở đệ Tứ thiên, sinh trong cõi Vô sắc, quả của một thiên, tâm biến hóa cõi Dục được phi số diệt.

Bậc Thánh sinh trong cõi Vô sắc, pháp thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, không được phi số diệt. Vì sao? Vì trước đã được rồi.

Hỏi: A-la-hán nhập Niết-bàn trước, được phi số diệt nhiều hay A-la-hán nhập Niết-bàn sau được phi số diệt nhiều?

Đáp: Người nhập Niết-bàn trước nhiều. Vào thời Phật Ca-diếp, số người nhập Niết-bàn nhiều, đến thời Phật Thích-ca Mâu-ni, số người nhập Niết-bàn ít. Vào thời Phật Thích-ca Mâu-ni, số người nhập Niết-bàn nhiều, nơi thời Phật Di-lặc, số người nhập Niết-bàn ít.

Hỏi: Những vị A-la-hán nào thành tựu phi số diệt nhiều nhất?

Đáp: A-la-hán sinh cõi Vô sắc, người trụ tâm sau sau cùng, đối với tất cả pháp, được phi số diệt nhiều nhất.

Hỏi: Có khi nào ấm, giới, nhập diệt hỷ mà không được phi số diệt hay không?

Đáp: Có, nghĩa là A-la-hán trụ tâm sau cùng.

Bình luận: Không Nên nói như thế. Vì sao? Vì không có ấm, giới, nhập diệt hỷ mà không được phi số diệt.

Hỏi: Lúc A-la-hán trụ tâm sau cùng chẳng phải không được phi số diệt chăng?

Đáp: Chẳng phải là không được phi số diệt. Vì sao? Vì A-la-hán, nếu khi quyết định muốn nhập Niết-bàn thì lúc trừ năm tâm hoặc sáu tâm, sẽ khởi hiện ở trước ấm, giới, nhập khác đều được phi số diệt.

Đức Thế tôn nói: Có hai cảnh giới Niết-bàn, đó là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư, Niết-bàn của thân vô dư, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trên đã nói: Thế nào là số diệt? Đáp: Nếu diệt là giải thoát, thì số diệt kia có hai thứ:

1. Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư.
2. Cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư.

Nhưng vẫn chưa nói thế nào là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư? Cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư. Nay vì muốn nói rõ điều đó,

nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư có tự thể, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư là không có tự thể.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư là thiện, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư là vô ký.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư là quả của đạo, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư chẳng phải quả của đạo.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư thuộc về đế, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư chẳng phải thuộc về đế.

Lại có thuyết nói: Cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư là hữu vi, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư là vô vi. Hữu lậu, vô lậu cũng giống như thế.

Vì để ngăn dứt ý của các thuyết nói như thế, và vì muốn nói nghĩa này đều là vô lậu.

Vì việc ấy, vì để ngăn dứt nghĩa của người khác, muốn chỉ bày rõ nghĩa của mình, cho đến nói rộng, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư?

Đáp: Vị A-la-hán còn sống bốn đại chưa diệt, cho đến nói rộng. Bốn đại, tức là bốn đại. Các căn là sắc tạo. Tâm nối tiếp nhau: là pháp tâm, tâm sở. Nếu pháp tâm, tâm sở của sắc tạo nơi bốn đại này chưa diệt, là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư.

Lại có thuyết nói: bốn đại là thân bốn đại, các căn là các các, tâm nối tiếp là tánh giác, nếu tánh giác của các căn trong thân chưa diệt thì đó là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư. Vì các hữu dư như thế v.v..., nên gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư. Thân có hai thứ:

1. Thân phiền não.

2. Thân sinh.

Dù không có thân phiền não mà có thân sinh.

Lại có thuyết nói: Thân có hai thứ: Có nhiễm ô, không nhiễm ô. Nhiễm ô đã hết, chỉ có không nhiễm ô. Cho nên, nói bốn đại v.v...

Vì có dư, nên nói là Hữu dư. Bốn đại sinh ra pháp nào: tức là sinh ra sắc tạo, dựa vào sắc tạo, có thể sinh ra pháp tâm, tâm sở, cho đến nói rộng. Thân kia đã dứt trừ tất cả kiết, được làm chứng, đó gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư.

Thế nào cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư? Nếu A-la-hán đã nhập Niết-bàn, thì bốn đại diệt, cho đến nói rộng. Bốn đại, tức bốn đại. Các căn, là sắc tạo, tâm nối tiếp nhau: pháp tâm, tâm sở. Nếu các các pháp như căn, pháp tâm, tâm sở này đã diệt, thì đó gọi là cảnh giới

Niết-bàn của thân vô dư.

Lại có thuyết nói: Bốn đại tức thân bốn đại, các căn tức các căn, tâm nối tiếp nhau là giác tánh. Nếu các căn, giác tánh của thân diệt, thì đó gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư.

Hỏi: Văn này không nên nói như thế: Các căn, giác tánh của thân diệt, gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư, nên nói rằng: A-la-hán đã dứt hết tất cả kiết, đều nhập Niết-bàn, đó gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư, mà không nói, là có ý gì?

Đáp: Vì Tôn giả kia đã dựa vào thế tục mà nói. Vì nói tin kinh nên nói như thế: Khi A-la-hán sắp mất phong đại có thể làm hao hụt hoả đại, hoả đại tổn giảm nên thức uống ăn không tiêu hóa, vì thức ăn uống không tiêu hóa nên bốn đại yếu ớt, vì bốn đại yếu ớt, nên các căn cũng kém, vì các căn yếu kém, nên không thể làm chỗ dựa cho pháp tâm, tâm sở. Vì pháp tâm, tâm sở không có chỗ nương, nên không sinh, pháp tâm, tâm sở không sinh, tức là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư. Thân có hai thứ:

1. Thân sinh.
2. Thân phiền não.

Hai thân này đều diệt, đó gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư.

Lại có thuyết nói: Thân có hai thứ: Nhiễm ô và không nhiễm ô, hai thứ thân này đều diệt, tất cả kiết sử đều dứt, đó gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư.

Hỏi: Vì sao trong đây không nói dứt tất cả kiết được làm chứng?

Đáp: Vì hiện tại được làm chứng, vì hiện tại của thời gian kia được rồi diệt, nên không nói được làm chứng.

Lại có thuyết nói: Có chỗ chúng sinh có đắc. Ai được đắc này? Ý nói Đề-Bà-Bạt-Đa, Diễn-nhã-Đạt-Đa. Trong cảnh giới Niết-bàn kia, vì không có sự khác nhau giữa các chúng sinh như thế, nên chỉ là pháp tánh, do vậy không nói là được làm chứng v.v...

Hỏi: Người phạm phu, người học dứt, là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư, hay cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư?

Đáp: Cũng không gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư, cũng không gọi cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư. Chỉ gọi là dứt, cũng gọi là không có dục, cũng gọi là diệt, cũng gọi là phần ít của đế, phần ít của trí dứt, chẳng phải phần ít của trí dứt, là phần ít của quả Sa-môn, chẳng phải quả Sa-môn.

Hỏi: Có A-la-hán nào không trụ trong cảnh giới Niết-bàn của thân

hữu dư, không trụ trong cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư?

Đáp: Như bốn kinh đã nói: Có. Như nói: đủ ba việc, gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư, không có ba việc, gọi là cảnh giới Niết-bàn của thân Vô dư.

A-la-hán sinh cõi Sắc, nhập định Diệt tận chỉ có các căn của bốn đại, không có tâm nối tiếp. Sinh cõi Vô sắc, A-la-hán chỉ có tâm nối tiếp, không có các căn bốn đại. Sinh ở cõi Dục, A-la-hán chỉ có tâm nối tiếp của bốn đại, có các căn không đủ.

Bình luận: Các A-la-hán như thế, đều phải nói là trụ cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư. Văn kinh lẽ ra phải nói như thế.

Hỏi: Thế nào là trụ trong cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư?

Đáp: Vị A-la-hán còn sống, tất cả kiết đều dứt hết, được làm chứng.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư?

Đáp: A-la-hán đã dứt hết tất cả kiết, nhập Niết-bàn.

Nếu nói rằng, thì đều gồm nhiếp những người sinh cõi Dục, sinh cõi Sắc, Vô sắc, có tâm, không có tâm, đủ căn, không đủ căn.

Niết-bàn nên gọi là học chăng? Cho đến nói rộng.

Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đây đã nói số diệt là hai thứ cảnh giới Niết-bàn, cho đến nói rộng, chưa nói là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Nay vì muốn nói rõ nên soạn luận này.

Lại nữa, vì sao soạn luận này? Vì để ngăn dứt nghĩa đều cùng là về ý, như Độc Tử bộ nói: Niết-bàn có ba thứ là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Nếu học dứt các kiết, được làm chứng, đó gọi là học. Nếu Vô học dứt trừ các kiết, được làm chứng, đó gọi là Vô học. Nếu phi học phi Vô học dứt các kiết, được làm chứng, đó gọi là phi học phi Vô học.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế và vì muốn bày tỏ nghĩa của mình, nên soạn luận này.

Hỏi: Niết-bàn nên gọi là Học, Vô học, phi học phi Vô học chăng?

Đáp: Niết-bàn phải gọi là phi học phi Vô học.

Lại có thuyết nói: Niết-bàn là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Đây là thuyết của Độc Tử bộ nói. Vì sao? Vì bộ ấy nói Niết-bàn có ba thứ tánh. Nếu học đã dứt trừ các kiết, được làm chứng, đó gọi là học. Vô học, phi học phi Vô học, nói cũng giống như thế.

Nói như thế sẽ có lỗi lớn, vì làm sao thể của một giải thoát mà thành ba, đặc, sở đặc bèn có ba tánh.

Như nghĩa của ta: Như văn này, như nghĩa này, như luận này, như ý của chúng ta. Niết-bàn là phi học phi Vô học. Đây là Tôn giả Ca-chiên-diên-tử muốn biểu thị ý của mình nơi bốn kinh nên đều nói như thế, không nên nói khác. Vì sao? Vì nếu nói khác, thì như Dục-đa-bà-đề đã nói sẽ có lỗi.

Lại có thuyết nói: Nên nói khác. Vì sao? Vì Tỳ-bà Xà-bà-đề hỏi Dục-đa-bà-đề: Ông nói Niết-bàn là phi học phi Vô học? Đây là hỏi mà cũng là lời nói khẳng định. Vì sao? Vì nếu không khẳng định lời nói của người khác mà nói về lỗi của họ, thì điều này không thể. Dục-đa-bà-đề đáp: Đúng thế. Tỳ-bà Xà-bà-đề lại vấn nạn: Ý ông nghĩ sao? Nếu trước kia dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết, được làm chứng, cho đến nói rộng được quả A-na-hàm, đạo ấy là Học chăng? Dục-đa-bà-đề đáp: Không! Vì sao? Vì ta nói Niết-bàn là phi học phi Vô học. Dục-đa-bà-đề muốn nói lỗi của Tỳ-bà Xà-bà-đề. Nếu trước kia đã dùng đạo thế tục dứt trừ kiết, được làm chứng, cho đến nói rộng, cho đến được quả A-na-hàm tức đạo ấy là Học, thì xưa nên nói là Học? Nếu không đắc quả mà là Học, thì việc này không thể hưởng đến A-la-hán dứt trừ kiết, làm chứng. A-la-hán dứt trừ kiết làm chứng thối lui, nói cũng giống như thế.

Dục-đa-bà-đề không thuận theo nghĩa trong pháp của người khác: tức là gom nhóm một chỗ để nói lỗi của người khác.

Nếu Niết-bàn là phi học phi Vô học thì lại tạo ra học, học tạo ra Vô Học, Vô học tạo ra học. Đây là không nhất định. Nếu đã không nhất định, tất nhiên là vô thường. Nếu vô thường, thì hữu vi, vô vi sẽ không khác nhau. Vì sao? Vì Niết-bàn không hề tạo ra phi học phi Vô học, lại tạo ra học, học tạo ra Vô Học, Vô học tạo ra học.

Vì thế, nên Niết-bàn bất cứ lúc nào cũng đều là thường, là vắng lặng. Phi học phi Vô học này nói rộng như bốn kinh.

Lại có thuyết nói: Vì Dục-đa-bà-đề muốn nói lỗi của Tỳ-bà Xà-bà-đề. Tỳ-bà Xà-bà-đề có hai thứ:

1. Nói Niết-bàn là phi học phi Vô học. Lại tạo ra học, học tạo ra Vô Học, Vô học tạo ra học.

2. Nói Niết-bàn là phi học phi Vô học thường là phi học phi Vô học. Học thường là Học, Vô học thường là Vô học.

Dục-đa-bà-đề vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề rằng: Niết-bàn là phi học phi Vô học, lại tạo ra học, học tạo ra Vô Học, Vô học tạo ra học: Đúng thế, ông nói Niết-bàn là phi học phi Vô học, sau đó lại tạo ra học? Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Đúng thế.

Dục-đa-bà-đề lại vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề rằng: Ý ông nghĩ sao?

Nếu trước kia đã dùng đạo thế tục, cho đến nói rộng. Sau thấy bốn Thánh đế, được quả A-na-hàm, đạo ấy là Học phải chăng?

Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Đúng thế. Vì sao? Vì ta nói Niết-bàn là phi học phi Vô học, lại tạo ra học.

Dục-đa-bà-đề lại hỏi Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ý ông nghĩ sao? Trước đã do đạo thế tục dứt trừ kiết, được làm chứng, là phi học phi Vô học, tức là phi học phi Vô học, tạo ra học chăng?

Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Đúng thế. Vì sao? Vì ta nói phi học phi Vô học. Về sau, tạo ra học.

Dục-đa-bà-đề lại nói lỗi của Tỳ-bà Xà-bà-đề: Nếu trước đã dùng đạo thế tục dứt trừ kiết, được làm chứng, sau được quả A-na-hàm, thì xứng đáng là người học, vốn lẽ ra là học. Nếu không được quả mà là người học, thì không thể.

Dục-đa-bà-đề lại vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề: Hướng về A-la-hán, dứt trừ kiết, được làm chứng, Học này. Về sau, thành A-la-hán Vô học, dứt trừ kiết, được làm chứng, thối lui tạo ra học, nói cũng giống như thế.

Dục-đa-bà-đề đã không thuận theo nghĩa trong pháp của người khác, gom góp một chỗ, nói lỗi như trên.

Nếu nói Niết-bàn là phi học phi Vô học, thường là phi học phi Vô học, cho đến Vô học thường là Vô học. Dục-đa-bà-đề vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ông nói Niết-bàn có ba thứ chăng?

Đáp: Đúng thế.

Dục-đa-bà-đề vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu trước đã dùng đạo thế tục dứt trừ dục, ái, giận dữ, chưa thấy chân đế, vì muốn được thấy, nên siêng năng tu tập theo phương tiện. Lúc tu tập theo phương tiện đã được kiến chân đế, được quả A-na-hàm, phương tiện đó là học chăng?

Đáp: Đúng thế. Vì sao? Vì ta nói Niết-bàn có ba thứ.

Dục-đa-bà-đề vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề rằng: Ý ông nghĩ sao? Nếu trước dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết, được làm chứng, là phi học phi Vô học, về sau được quả A-na-hàm, tức là Học chăng?

Đáp: Không! Vì sao? Vì ta đã nói Niết-bàn là phi học phi Vô học, thường là phi học phi Vô học, cho đến nói rộng.

Tỳ-bà Xà-bà-đề vấn nạn lại Dục-đa-bà-đề: Nếu Niết-bàn là Phi học Phi Vô học, về sau tạo ra học, khi chưa được quả A-na-hàm, vốn lẽ ra là học.

Dục-đa-bà-đề vì muốn bỏ lỗi này, nên nói: Nếu không được quả

A-na-hàm mà là người học, thì điều này không thể.

Dục-đa-bà-đề lại vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề: Nếu hướng về quả A-la-hán dứt trừ kiết, được làm chứng, thì A-la-hán dứt trừ kiết làm chứng thối lui, nói cũng giống như thế.

Dục-đa-bà-đề không thuận theo nghĩa trong pháp của người khác, nhóm họp một chỗ mà nói lỗi của Tỳ-bà Xà-bà-đề: Nếu Niết-bàn là phi học phi Vô học, về sau tạo ra học, học tạo ra Vô Học, Vô học tạo ra học, phi học phi Vô học thường là phi học phi Vô học, cho đến Vô học thường là Vô học. Đây là không nhất định. Nếu không nhất định thì là vô thường. Nếu là vô thường thì hữu vi, vô vi không có khác nhau. Niết-bàn không hề tạo ra Phi học Phi Vô học. Về sau tạo ra học, học tạo ra Vô học. Vô học tạo ra học, Phi học Phi Vô học. Thường là phi học phi Vô học, cho đến Vô học thường là Vô học.

Do việc này, nên Niết-bàn đối với tất cả thời gian là thường, là vắng lặng. Về Phi học Phi Vô học, như bốn kinh đã nói rộng.

Hỏi: Đã nói về đắc, lại có đắc hay không? Nếu có thì đắc lại có đắc, tức là vô cùng, nếu vô cùng, thì sẽ không thành tựu đắc ấy?

Đáp: Nên lập luận này: Đắc lại có đắc.

Hỏi: Nếu vậy tức là vô cùng?

Đáp: Vô cùng thì có lỗi gì? Vì đời vị lai rất rộng, có thể chấp nhận đắc này. Vì pháp sinh tử là vô cùng, nên đắc cũng giống như thế. Vì vậy nên khó dứt, khó trừ, khó vượt qua. Các khổ nối tiếp nhau, cũng như mắc xích.

Lại có thuyết nói: Vì đều ở trong một đời, một sát-na, nên chẳng phải vô cùng.

Bình luận: Nên nói rằng: Lúc pháp sinh, ba pháp đều sinh, nghĩa là pháp, đắc, đắc đắc. Vì đắc, nên thành tựu pháp kia và đắc của đắc, vì đắc đắc, nên thành tựu đắc. Vì vậy, chẳng phải vô cùng. Do việc ấy nên luận như thế.

Có khi nào hành ấm, sắc ấm đồng là một đắc hay chẳng?

Đáp: Có. Đó là sắc, đắc đắc, cho đến hành ấm, thức ấm, nói cũng như thế. Hữu vi, vô vi cũng đồng một đắc. Vì sao? Vì đắc của vô vi, được vô vi và đắc đắc, đó gọi là hữu vi, vô vi đồng chung một đắc.

Hỏi: Có khi nào thành tựu đắc của quá khứ, vị lai hay không? Nếu thành tựu, thì sao chẳng phải vô cùng? Vì sao? Vì khi pháp sinh, pháp, đắc, đắc đắc đều sinh, ba thứ này diệt rồi, bèn sinh ra sáu đắc: ba là đắc, ba là đắc đắc, là sáu, sinh ra mười hai, mười hai sinh ra hai mươi bốn, cho đến vô lượng, vô biên.

Nếu không thành tựu thì Kiền-độ Định nói làm sao hiểu? Như nói: Qua đời ở cõi Vô sắc, sinh trong cõi Dục, đã được ấm, giới, nhập, bốn đại, căn thiện, bất thiện, vô ký, phiền não kiết, phược, sử, triền, phải nói vốn là đắc đắc, hay vốn chẳng phải đắc đắc?

Đáp: Nhiệm ô, thiện, phải nói là vốn là báo nơi của đắc, phải nói vốn không là đắc đắc, đắc kia cũng có thiện, cũng có nhiệm ô.

Lại có thuyết nói: Có thành tựu đắc của quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu vậy thì sao chẳng phải vô cùng?

Đáp: Nếu cho là vô cùng, thì có lỗi gì? Vì đời vị lai rộng, không có chỗ chứa đựng. Do sinh tử là vô cùng, nên khó dứt, khó trừ, khó vượt qua, các khổ nối tiếp nhau cũng như dây xích.

Lại có thuyết nói: Không có thành tựu.

Hỏi: Nếu vậy như nói qua đời ở cõi Vô sắc, sinh xuống cõi Dục, cho đến nói rộng, vẫn này làm sao hiểu?

Đáp: Vẫn này không nói đắc mà nói pháp không thuộc về đắc.

Bình luận: Không nên nói như thế. Nên nói rằng: Có thành tựu đắc của quá khứ, vị lai. Vì sao? Vì đắc nên quả Sa-môn có khác nhau. Nếu không thành tựu đắc của quá khứ, vị lai, thì trong mỗi một sát-na, quả Sa-môn vừa được, vừa bỏ, người tu phạm hạnh thì không có tâm ngợi nghĩ, lại còn có lỗi, vì ba sự, nên xả đạo Thánh:

1. Thối hư.
2. Chuyển căn.
3. Đắc quả.

Không nhân nơi ba thứ này, cũng xả Thánh đạo, nhưng vì không có lý ấy, nên có thành tựu đắc của quá khứ, vị lai. Nghĩa là khổ pháp nhãn có mười lăm đắc:

1. Đi chung với khổ pháp nhãn.

2. Đi chung với khổ pháp trí, cho đến đi chung với đạo tử nhãn là có mười lăm. Cho đến trí đầu tiên của Vô học, trừ tự thể của nó, đều là nhân, nói rộng như trên. Đắc của khổ đế, tập đế thuộc về Khổ đế, tập đế. Đắc của diệt đế thuộc về ba đế. Đắc của đạo đế thuộc về đạo đế. Khổ, tập, đạo đế thuộc về ba đời, đắc kia cũng thuộc về ba đời. Diệt đế không tồn tại. Đắc của ba đời thuộc về ba đời. Khổ đế, tập đế là thiện, bất thiện, vô ký. Đắc của Khổ đế, tập đế kia cũng là thiện, bất thiện, vô ký. Diệt đế, đạo đế là thiện, nên đắc kia cũng là thiện. Khổ đế, tập đế là lệ thuộc ba cõi, đắc của chúng cũng lệ thuộc ba cõi. Diệt đế là không lệ thuộc nên đắc của diệt đế là thuộc về cõi Sắc, Vô sắc, cũng là không lệ thuộc. Đạo đế là không lệ thuộc nên đắc cũng là không lệ thuộc.

Khổ đế, tập đế là phi học phi Vô học nên đắc của Khổ đế, tập đế đó cũng là phi học phi Vô học. Diệt đế là phi học phi Vô học nên đắc của diệt đế đó là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Đạo đế là Học, Vô học nên đắc của đạo đế đó cũng là Học, Vô học.

Khổ đế, tập đế là thấy đạo, tu đạo dứt nên đắc của chúng cũng là thấy đạo, tu đạo dứt. Diệt đế là không dứt nên đắc của diệt đế đó là tu đạo dứt, không dứt. Đạo đế là không dứt nên đắc của đạo đế đó cũng là không dứt. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục, cho đến chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo Vô sở hữu xứ là đắc của giải thoát có ba thứ: Học, Vô học, phi học phi Vô học. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo nơi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ là đắc của tám thứ giải thoát có hai thứ: Học, Vô học. Đắc của giải thoát thứ chín là Vô học. Vì sao? Vì đắc đó sinh chung với tận trí.

Hỏi: Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục, cho đến chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo Phi tưởng Phi phi tưởng xứ là đắc của giải thoát kia thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tùy thuộc vào đạo đối trị dứt trừ đắc của giải thoát kia ở địa nào thì đắc kia cũng thế. Các thuyết này nói: Tùy thuộc vào đạo đối trị dứt trừ nơi đắc của giải thoát kia mà tồn tại.

Đắc kia cũng thế: Nghĩa là đắc giải thoát, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục, thuộc về thiên Vị chí Đắc của giải thoát nơi Sơ thiên, thuộc về ba địa. Nghĩa là Vị chí, Sơ thiên, thiên trung gian.

Đệ Nhị thiên thuộc về bốn địa, đệ Tam thiên thuộc về năm địa. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo đệ Tứ thiên là vô sắc. Chỗ dứt của thấy đạo là thuộc về sáu địa. Chỗ dứt của tu đạo Không xứ thuộc về bảy địa, Thức xứ thuộc tám địa, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thuộc về chín địa.

Lại có thuyết nói: Tùy thuộc vào địa được tồn tại do do đối trị lỗi lầm nên đắc cũng thế. Các thuyết nói: Người kia tùy thuộc vào địa còn có đối trị lỗi lầm nên đắc của địa kia cũng thế. Đắc của giải thoát, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục, Sắc, thuộc về sáu địa. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo Không xứ thuộc về bảy địa. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo Thức xứ thuộc về tám địa. Chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thuộc về chín địa.

Lại có thuyết nói: Tùy địa có phần pháp trí, địa đó cũng có đắc của giải thoát, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục. Nếu địa có phần tỷ trí, thì địa đó cũng có đắc giải thoát, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Sắc, Vô sắc.

Các thuyết nói: Tùy theo địa kia có phần pháp trí, địa đó cũng thế. Nghĩa là đắc giải thoát, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Dục, thuộc về sáu địa. Đắc giải thoát đắc, chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo cõi Sắc, Vô sắc thuộc về chín địa.

Bình luận: Không nên nói rằng. Như trước nói: Tùy địa nào có đạo đối trị dứt từ đắc của địa đó cũng thế, là tốt.

Hỏi: Nếu dùng pháp trí của diệt, đạo để lìa dục cõi Sắc, Vô sắc, thì đắc giải thoát, chỗ dứt của tu đạo ở cõi Sắc, Vô sắc kia là phần của pháp trí hay phần của tỷ trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là phần pháp trí. Vì sao? Vì là sở chứng pháp trí.

Bình luận: Không nên nói là phần tỷ trí.

Hỏi: Là đối tượng chứng của pháp trí sao nói là phần tỷ trí?

Đáp: Mặc dù là đối tượng chứng của pháp trí, nhưng vì là của tỷ trí, nên đều là sức đối trị căn bản ở cõi Sắc, Vô sắc, tùy do sự dứt trừ nào mà đều là phần tỷ trí?

Hỏi: Nếu lìa năm thứ dục, nhập thấy đạo, thì khổ pháp nhãn diệt, khổ pháp trí sinh năm thứ dục là chỗ dứt của thấy khổ cõi Dục đã dứt trước kia, với bốn thứ dục, chỗ dứt trong sát-na ấy, và chín thứ kia đều là đều đi chung với khổ pháp nhãn sinh vô lậu được làm chứng.

Cũng thế, cho đến đạo pháp nhãn diệt, đạo pháp trí sinh. Năm thứ dục là chỗ dứt của thấy đạo cõi Dục đã dứt trước kia, bốn thứ dục đã dứt trong sát-na ấy, với chín thứ kia đều sinh chung đạo pháp trí vô lậu được làm chứng.

Nếu đạo tỷ nhãn diệt, đạo tỷ trí sinh, thì thời gian này chỗ dứt của thấy đạo trong ba cõi, với đạo tỷ trí đều câu sinh đắc giải thoát.

Người kia đã được tu đạo cõi Dục, dứt trừ năm thứ dục, có được đắc của giải thoát vô lậu không?

Tôn giả tăng-già-bà-tu đáp: Được! Vì sao? Vì quả Tu-đà-hoàn này cũng là hưởng Tư-đà-hàm.

Bình luận: Không nên nói rằng: Nói không được, là tốt. Vì sao? Vì không thể nói lúc trụ nơi quả, lại được hưởng về đạo quả. Tu-đà-hoàn kia không được hưởng về đạo quả, vì lấy sự gì để nói là hưởng về quả?

Hỏi: Lấy thời gian nào để được đắc giải thoát kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu tu hưởng đến phương tiện của quả Tu-đà-hàm, trong thời gian này liền được.

Bình luận: Không nên nói như thế, nói rằng thời gian này được

đắc giải thoát. Nên nói rằng: Nếu được quả Tư-đà-hàm bấy giờ liền được.

Hỏi: bậc Thánh dùng đạo thế tục để lìa dục. Đạo này là đạo đã từng chứng được, hay là đạo không hề chứng đắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là đạo đã từng chứng đắc. Vì sao? Vì như từ vô thủy đến nay đã dùng đạo lìa dục. Nay đã dùng đạo, tức là đạo ấy. Nếu là đạo đã từng đắc, thì khi lìa dục nơi phẩm thượng thượng cõi Dục, ở trong sự lìa dục phẩm thượng thượng ấy đã được hai thứ đắc giải thoát:

1. Thế tục do đã từng được đắc giải thoát.

2. Vì tu đạo vô lậu ở vị lai, cũng được đắc giải thoát vô lậu do thấy đạo ở cõi Dục đã dứt trừ phiền não, phẩm thượng thượng.

Hỏi: Nếu nói như thế, là đối trị chung, cũng là đối trị không chung. Vì sao? Vì đạo đã từng được, dứt trừ phiền não do thấy đạo, tu đạo dứt, đồng ở một chỗ, như chặt đứt bó cỏ, cũng như khắc ghi, dứt chín thứ dục, đó gọi là đạo đối trị chung. Nếu khi bậc Thánh dùng đạo này để dứt kiết là chỗ dứt trừ của tu đạo, thì đó gọi là không chung?

Đáp: Đạo đã từng được, chỉ là đối trị chung. Vì sao? Vì kiết, chỗ dứt của thấy đạo đã dứt trừ, nếu không dứt thì ở đây cũng có thể dứt.

Lại có thuyết nói: bậc Thánh đã dùng đạo thế tục, là đạo không hề được. Vì sao? Vì đạo đã vận dụng từ vô thủy đến nay là khác, đạo đã dùng hiện nay là khác. Nếu nói như thế, đạo không hề đạt được nên khi đã lìa dục của phẩm thượng thượng cõi Dục thì được hai thứ đắc giải thoát:

1. Thế tục.

2. Vô lậu.

Thế tục: Vì đạo chưa từng được. Vô lậu: Vì tu ở vị lai. Nên phiền não phẩm thượng thượng là chỗ dứt của thấy đạo, cõi Dục chứ chẳng phải đối trị. Vì sao? Vì không hề được đạo này. Nếu nói như thế thì là đối trị không chung của đạo giải thoát thứ chín. Nếu không hề được đạo, đã từng được đạo, đều được cùng lúc, cũng được hai thứ đắc giải thoát là: lậu, vô lậu do thấy đạo, tu đạo cõi Dục đã dứt.

Hỏi: Vì sao đạo giải thoát thứ chín, đã từng được đạo, không hề được đạo, tu đạo vô ngại giải thoát khác, vì sao không tu?

Đáp: Lúc địa lìa dục được, địa thì tu khác, khi đạo dứt dục thì khác, lúc đạo giải thoát thứ chín là lúc địa lìa dục chứng đắc. Cho nên, vì đạo đã từng được, tu đạo không hề được, lúc đạo dứt dục, không được địa, cho nên tu đạo không hề được, không tu đạo đã từng được. Vì việc này,

nên Kiên-độ Trí đã nói, được khéo hiểu. Như nói: Nếu thành tựu tha tâm trí hiện tại, thì cũng thành tựu quá khứ, vị lai phải chăng?

Đáp: Đúng thế.

Bình luận: Nói như thế là tốt. Vì đạo không hề được, lìa dục, đã từng được đạo, tu đạo không hề được. Nếu nói rằng: Do đạo không hề được, lìa dục, đã từng được đạo, tu đạo không hề được, lìa dục cõi Dục, khi tu đạo dứt dục phẩm thượng thượng thì được ba thứ đặc giải thoát:

1. Đạo thế tục đã từng được.
2. Đạo không hề được.
3. Vô lậu.

Dục nơi phẩm thượng thượng do thấy đạo dứt, được một đặc giải thoát là vì đạo từng được. Vì nghĩa ấy, nên khéo bỏ lỗi đối trị không chung, cũng nói như thế.

Hỏi: Có khi nào bất thối, không được quả, không chuyển căn, mà Kiết do thấy đạo dứt, có được làm chứng không?

Đáp: Có! Như ở đây đã nói. Như phiền não phẩm thượng thượng, cho đến phiền não phẩm hạ hạ, nói cũng giống như thế. Như lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, cũng nói như thế.

Hỏi: Có khi nào trong khoảng một sát-na sẽ được năm căn như tín căn v.v..., được mà không xả, xả mà không được, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp hay chăng?

Đáp: Có. Trường hợp đầu: Là hướng về quả A-na-hàm, khi trụ nơi đạo vô ngại sau cùng, sẽ được các căn hữu lậu thiện của địa Sơ thiên.

Trường hợp thứ hai: Là các căn hối, ưu cõi Dục.

Trường hợp thứ ba: Các căn vô lậu xả, thuộc về đạo vô ngại, sẽ được thuộc về đạo giải thoát.

Trường hợp thứ tư: Trừ ngần ấy việc trên.

Hỏi: Các đặc là quá khứ, pháp kia cũng là quá khứ chăng? Nếu pháp quá khứ, đặc kia là quá khứ chăng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Đáp: Có. Trường hợp đầu: Nghĩa là số diệt, phi số diệt. Đặc ở quá khứ, pháp kia chẳng phải quá khứ.

Trường hợp thứ hai: Đời quá khứ là pháp phi chúng sinh số.

Trường hợp thứ ba: Pháp của chúng sinh số đời quá khứ.

Trường hợp thứ tư: Hư không chẳng phải là pháp chúng sinh số hiện tại, vị lai.

Vị lai, hiện tại, lẽ ra cũng lập bốn trường hợp như thế.

Hỏi: Nếu pháp tu là pháp kia, thì đặc cũng tu phải chăng?

Đáp: Nếu pháp tu là pháp kia, thì đắc cũng tu.

Hỏi: Có khi nào pháp được tu, pháp kia không tu chẳng? Đáp: Có, là số diệt.

Hỏi: Nếu pháp không có đắc, thì pháp kia chẳng phải không có đắc của giải thoát đắc? Nếu không có đắc giải thoát, thì pháp kia chẳng phải không có đắc của giải thoát chẳng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Đáp: Có! trường hợp đầu: Chẳng phải là pháp chúng sinh số, đây là nói không có đắc, chứ chẳng phải không có đắc giải thoát.

Trường hợp thứ hai: Hữu vi, vô lậu, số diệt, phi số diệt, đây là nói chẳng phải có đắc giải thoát, chứ chẳng phải không có đắc.

Trường hợp thứ ba: Hư không, là nói chẳng phải có đắc, chẳng phải có đắc giải thoát.

Trường hợp thứ tư: Pháp hữu lậu của số chúng sinh, đây là nói chẳng phải không có đắc, chẳng phải không có đắc giải thoát.

Hỏi: Nếu pháp có đắc, thì pháp đó không có đắc giải thoát? Nếu pháp có đắc giải thoát thì pháp đó không có đắc chẳng, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp?

Đáp: Có trường hợp đầu: Hữu vi, vô lậu và số diệt, phi số diệt. Trường hợp thứ hai là: Pháp chẳng phải số chúng sinh.

Trường hợp thứ ba: Pháp hữu lậu của số chúng sinh.

Trường hợp thứ tư: Là hư không (câu thị nầy nên ở trước câu phi).

